

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYÊN MỘC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04-4-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà La Thị Thu Nga

2. Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký Tòa án: Ông Huỳnh Trọng Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1993, vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Gia Thiên Q, sinh năm 1989, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2024, bản khai ngày 08/01/2025, ngày 02/4/2025, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 08/01/2025, ngày 24/02/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Trần Gia Thiên Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 01/10/2010 (Giấy chứng nhận số 36/2010). Vợ chồng chung sống đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Q cờ bạc, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay; trong thời gian này, vợ chồng không gặp nhau bàn chuyện hàn gắn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hạo N, sinh ngày 17/5/2011 và Trần Nhã Đ, sinh ngày 04/4/2014. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con; yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 3.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 5/2025 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Gia Thiên Q là bị đơn được Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt.

Kết quả xác minh ngày 18/12/2024 tại Ấp D, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định không biết tình trạng hôn nhân của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không tham gia phiên tòa, theo Công văn số 58/CV-VKS ngày 04/3/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Lê Thị Mỹ L là nguyên đơn tranh chấp với ông Trần Gia Thiên Q là bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; ông Q có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về xét xử vắng mặt:* Bà Lê Thị Mỹ L là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 14/3/2025; bị đơn ông Trần Gia Thiên Q được

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:*

[2.1.1] Bà Lê Thị Mỹ L và ông Trần Gia Thiên Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 01/10/2010 (Giấy chứng nhận số 36/2010) nên hôn nhân này là hợp pháp.

[2.1.2] Theo bà L, vợ chồng chung sống đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q cờ bạc, vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường xuyên cãi vã. Ông bà sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không gặp nhau bàn chuyện hàn gắn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

[2.1.3] Tòa án triệu tập ông Q nhiều lần để hòa giải hàn gắn nhưng ông không đến để hòa giải. Cho thấy, mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà L ly hôn ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Ông Q và bà L có 02 con chung là Trần Hạo N, sinh ngày 17/5/2011 và Trần Nhã Đ, sinh ngày 04/4/2014; nếu ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Ông Q không tham gia trong quá trình tố tụng nên không xác định được nguyện vọng của ông Q trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, nguyện vọng của các con muốn ở cùng mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con; ông Q có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng đối với mỗi cháu là 3.000.000 đồng, tính từ tháng 5/2025 đến khi các con đủ 18 tuổi. Qua xác minh tại địa phương xác định không biết rõ nghề nghiệp và thu nhập của ông Q. Theo bà L, chi phí nuôi dưỡng và học tập mỗi tháng của mỗi con là 4.000.000 đồng. Bà L không đưa ra được chứng cứ nào để xác định mức thu nhập hàng tháng hay hàng năm của ông Q. Xét thấy, ông Q không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì tiền cấp dưỡng cho con không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi

tháng đối với mỗi người con. Tại Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và Phụ lục Danh mục địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 thì mức lương tối thiểu vùng tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 3.860.000 đồng/tháng. Như vậy, mức yêu cầu của bà L là cao so với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà L để buộc ông Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng đối với mỗi người con là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) là phù hợp.

[2.3] *Về chia tài sản chung*: Bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và ông Q phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Lê Thị Mỹ L ly hôn ông Trần Gia Thiên Q.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Lê Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hạo N, sinh ngày 17/5/2011 và Trần Nhã Đ, sinh ngày 04/4/2014; ông Trần Gia Thiên Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng đối với mỗi người con là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng, tính từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Trần Gia Thiên Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về chia tài sản chung:* Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005315 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; bà Lê Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Trần Gia Thiên Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Hưng,
huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kim Thùy

